BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Signature Not Verified
POLICC
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
Ký ngày: 18/4/2020 14:00:57

MỤC LỤC

CHƯƠNG I
Thông tin khái quát
Quá trình hình thành phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

CHƯƠNG II
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo phát triển bền vững

CHƯƠNG III
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
Tình hình tài chính
Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
Kế hoạch phát triển tương lai

CHƯƠNG IV
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

CHƯƠNG V
Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các khoản giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

CHƯƠNG VI
Báo cáo tài chính

Chương I

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
Tên tiếng Anh	:	Dong Nai Agricultural Livestock Product Jointstock Company
Vốn điều lệ	:	102.639.420.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019	:	102.639.420.000 đồng
Mã cổ phiếu	:	NSS

Trụ sở chính	:	238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại	:	(0251) 3899 790
Fax	:	(0251) 3899 102
Website	:	www.dolicovn.com
Giấy CN ĐKDN	:	3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005 và đăng kí thay đổi lần thứ 9 ngày 13/06/2019

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1978 – 1991

Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai tiền thân là Công ty Chăn Nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978 theo Quyết định số 97/QĐ/UBT của UBND Tỉnh Đồng Nai dưới quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Đồng Nai.

Năm 1992 – 2003

UBND Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2116/QĐ/UBT ngày 19/11/1992 để thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có Công ty Chăn nuôi Đồng Nai theo chính sách đổi mới và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước lúc bấy giờ.

Năm 2004 – 2005

Căn cứ Công văn số 1710/CV/UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Chăn nuôi Đồng Nai đã tiến hành các thủ tục để cổ phần hoá và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai.

Ngày 04/02/2005, Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai chính thức ban hành Quyết định số 761/QĐ/CT-UBT về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá của Công ty Chăn nuôi Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hoá đã được phê duyệt và đăng kí kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Năm 2004 – 2005

Ngày 29/08/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 4703000269 cho Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai với mức vốn điều lệ là 56.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả bán cổ phần thực tế, số lượng cổ phần chào bán thành công (bao gồm SLCP do Nhà nước tiếp tục nắm giữ) là 3.421.314 cổ phần, tương ứng vốn thực góp 34.213.140.000 đồng.

Năm 2006 – 2016

Trải qua quá trình hoạt động và phát triển dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã mở rộng quy mô vốn từ 34.213.140.000 đồng lên 102.639.420.000 đồng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp số 3600267730 và đăng kí thay đổi lần thứ 7 ngày 10/11/2016.

Năm 2017 – 2018

Công ty nộp hồ sơ đăng kí công ty đại chúng và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018.

Ngày 20/07/2018, Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để đăng kí lưu kí chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng kí chứng khoán số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 với mã chứng khoán là NSS.

Ngày 23/10/2018, SGDCK Hà Nội ban hành Quyết định số 680/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng kí giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Ngày 30/10/2018, Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán NSS.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;

- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông, vải); bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;

- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Xây dựng địa ốc;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ; kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc; cho thuê mặt bằng , cửa hàng, nhà kho;

- Bán buôn xe gắn máy;
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Địa bàn kinh doanh

Chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác trên lãnh thổ Việt Nam.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức

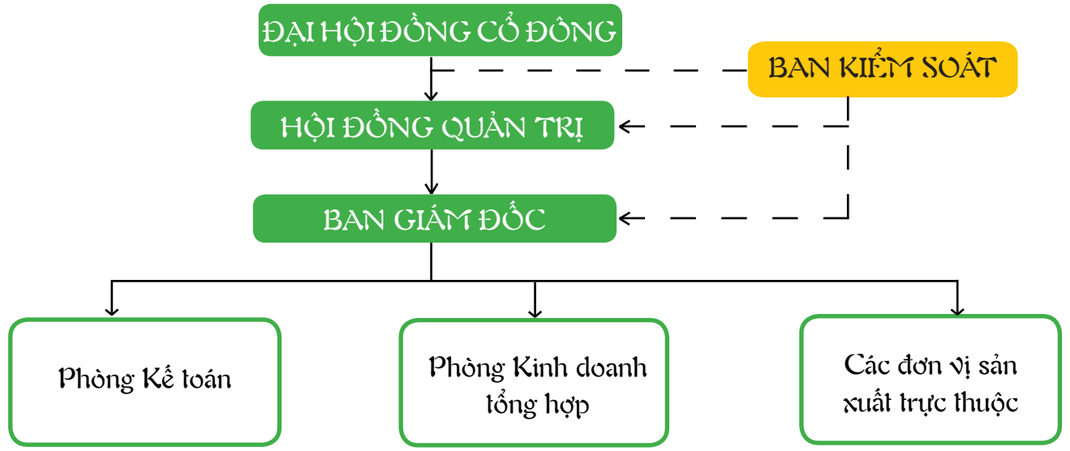

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân lực, xe máy, vật tư... và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức

Các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất trực thuộc

• Phòng Kế toán

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty tổ chức hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả tài chính, thực hiện các nhiệm vụ thu chi quản lý các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đảm bảo vốn cho quá trình hoạt động sản xuất của Công ty; Lập báo cáo quyết toán quý, năm của Công ty gửi các cơ quan liên quan đúng thời hạn; Có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các tài liệu kế toán.

• Phòng Kinh doanh tổng hợp

Tham mưu cho Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu các hợp đồng kinh doanh mua nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, mua sắm…tham mưu các thủ tục mua sắm tài sản, xây dựng các định mức về nhiên liệu, vật tư, xe máy, thiết bị,... nghiệm thu tổng hợp khối lượng công việc thực hiện để làm biên bản xác nhận khối lượng thực hiện các đơn vị liên quan.

• Các đơn vị sản xuất trực thuộc

Các đơn vị sản xuất trực thuộc bao gồm: Trại heo Dolico Tân An, Trại heo Dolico Suối Cao, Trại heo Dolico Xuân Thành, Phân xưởng chế biến thức ăn gia súc và Cửa hàng giới thiệu sản phẩm. Các đơn vị sản xuất trực thuộc trên chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về các công tác điều hành sản xuất và công tác nhân lực tại các cơ sở.

Công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh

Công ty mẹ

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI – MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH.
- Địa chỉ: Số 833A, Xa lộ Hà Nội, khu phố 1, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3836 110 Số fax: (0251) 3836 132
- Vốn điều lệ: 3.035.078.019.542 đồng
- Vốn góp tại DOLICO: 86.541.420.000 đồng, chiếm 84,32% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 3600253505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/08/2018.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:

- Đầu tư trồng trọt, thu mua, chế biến thuốc lá nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu, kinh doanh và xuất khẩu; sản xuất, mua bán, xuất khẩu thuốc lá điếu các loại; nhập khẩu trực tiếp các nguyên, phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế cho sản xuất thuốc lá; sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại bao bì, vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá;

- Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, tài sản, nhà cửa; đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; giết mổ gia cầm, gia súc; chế biến thịt gia súc, gia cầm đóng gói và đóng hộp; trồng cây nông nghiệp, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả; dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu; chăn nuôi heo, gà, vịt, cá, tôm; dịch vụ hỗ trợ trồng trọt và chăn nuôi; chế biến nông sản và sản xuất thực phẩm chăn nuôi.

- In ấn; đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nông nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, hạ tầng khu dân cư; kinh doanh bất động sản; đầu tư kinh doanh khu du lịch; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai không có công ty con, công ty liên kết.

Đơn vị trực thuộc

Đơn vị trực thuộc	Vị trí	Hoạt động kinh doanh
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3 Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vỹ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại
Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Đang làm thủ tục hoán đổi đất với UBND huyện Vĩnh Cửu
Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Đang làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

- Tập trung tất cả nguồn lực, vật lực cho sự phát triển mảng chăn nuôi của Công ty;
- Đưa ra các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn heo và trên con người để giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tế SXKD;
- Giữ vững ổn định đàn heo để sản xuất, sử dụng tối ưu hóa nguồn vốn và cở sở vật chất hiện có;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, mang đến cho người tiêu dung sản phẩm tốt nhất;
- Xây dựng và triển khai các chính sách, phương án phù hợp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tối ưu hoá lợi nhuận cho Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thực hiện chiến lược "không đầu tư dàn trải" mà chọn thứ tự ưu tiên nhằm kiểm soát chi phí hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận Công ty;
- Chủ động tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược và khách hàng tiềm năng góp phần mở rộng quy mô sản xuất và mạng lưới khách hàng;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với quy mô đàn heo của Công ty trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũng như trên các địa bàn mà Công ty đang hoạt động;
- Tái cơ cấu bộ máy phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực hoạt động của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro cạnh tranh

Hiệp định CPTPP được ký kết, đã mở ra cơ hội phát triển, mở rộng thị trường ra ngoài nước cho ngành nông nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, trong năm 2019, dịch tả lợn châu Phi đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến việc chăn nuôi heo và chế biến các sản phẩm từ thịt heo của các doanh nghiệp trong nước; cụ thể tổng sản lượng thịt hơi các loại giảm gần 4% so với năm 2018. Điều này đã tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài xâm nhập vào thị trường trong nước.

Bên cạnh đó, các Công ty thuộc ngành công nghiệp, thương mại cũng đang dần chuyển sang chăn nuôi nhằm tận dụng cơ hội từ các Hiệp định quốc tế, gây ra sức ép cạnh tranh trong ngành, buộc các doanh nghiệp phải tự hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao năng lực hoạt động và lợi thế cạnh tranh của công ty.

Nhận thức rõ rủi ro trên, Công ty đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật tạo ra sản phẩm chất lượng đàn heo để hạ giá thành sản phẩm; đồng thời nắm bắt tình hình thị trường, đưa ra các biện pháp, chính sách cụ thể để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Cuối năm 2019, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 2415/QĐ-NHNN và Quyết định số 2416/QĐ-NHNN làm giảm 0,5% lãi suất huy động và cho vay ngắn hạn ở các tổ chức tín dụng. Cụ thể, lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,8%/năm, từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 3,0%/năm và lãi suất cho vay ngắn hạn là 6,0%/năm (giảm 0,5%/năm so với quy định tại Quyết định 2173/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 và Quyết định 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017). Các quyết định trên nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp; góp phần duy trì và mở rộng quy mô cho các doanh nghiệp này.

Hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi thuộc ngành nông nghiệp, Công ty luôn chủ động theo dõi và cập nhật biến động lãi suất để đưa ra các biện pháp phù hợp trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính và hoạt động đầu tư tài chính của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Ngành chăn nuôi lợn đã và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn khi dịch tả lợn châu Phi xuất hiện và lan rộng ra 63 tỉnh thành trên cả nước. Tổng đàn lợn sụt giảm mạnh, do đó sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong năm 2019 cũng giảm sâu so với năm 2018. Theo số liệu tính toán của Tổng cục Thống kê, ước tính tổng đàn lợn của cả nước tháng 12 năm 2019 giảm 25,5% so với cùng thời điểm năm 2018; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả năm 2019 ước đạt 3.289,7 nghìn tấn, giảm 13,8% so với năm 2018. Với áp lực cung giảm – cầu tăng, giá thịt lợn tăng cao, nhất là vào thời điểm cận Tết Nguyên Đán.

Để tận dụng được thuận lợi từ giá bán và giảm thiểu rủi ro dịch bệnh đến đàn heo, Công ty đã thực hiện nhiều phương pháp phòng dịch như vệ sinh chuồng trại, phun thuốc khử trùng, kiểm tra y tế đàn lợn thường xuyên, tiêm vắc xin phòng dịch,...

Rủi ro pháp luật

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được giao dịch trên hệ thống UPCoM nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác. Bên cạnh đó, hoạt động chính của Công ty là chăn nuôi nên chịu sự giám sát và chi phối của Luật bảo vệ môi trường và Luật An toàn vệ sinh thực phẩm. Các Bộ luật và luật trên còn đang được điều chỉnh và hoàn thiện, nên Công ty chủ động theo dõi, cập nhật cập nhật các văn bản pháp lý hiện hành để đưa ra các biện pháp cụ thể, chiến lược phù hợp theo tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro như thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,... là những rủi ro không thể lường trước được nên Công ty luôn có những biện pháp phòng chống để hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

Chương II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So sánh (%)	
					TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
Sản lượng sản xuất	Tấn	5.244	3.600	4.526	125,72%	86,31%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	5.244	3.600	4526	125,72%	86,31%
Tổng doanh thu	Tr.đ	227.102	140.000	199.688	142,63%	87,93%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	45.203	6.500	27.345	420,69%	60,49%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	35%	4%	17,10%	427,50%	48,86%

Trong bối cảnh dịch tả lợn Châu Phi bùng phát trong năm 2019, Công ty đối diện với không ít khó khăn trong công tác phòng chống dịch và duy trì đàn heo. Tuy nhiên, nhờ vào việc áp dụng công nghệ kỹ thuật mới trong quy trình phối, đậu thai và sinh đẻ của đàn heo cũng như tiêm vắc-xin đúng và đủ liều lượng mà đàn heo được duy trì và tiếp tục tăng, làm giảm ảnh hưởng của dịch bệnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết quả kinh doanh của Công ty có giảm so với năm 2018 nhưng lại vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt là 199,69 tỷ đồng và 27,35 tỷ đồng, vượt 42,63% và 320,67% so với kế hoạch. Bên cạnh đó, sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm 13,69% so với cùng kỳ nhưng vượt 25,72% so với kế hoạch từ đầu năm.

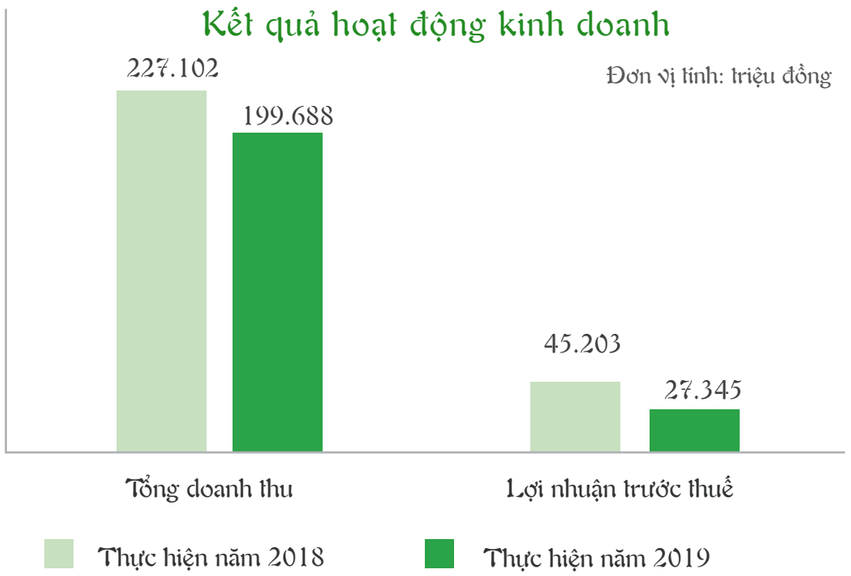

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ hoạt động chính	217.316	95,69	194.549	97,43
- Doanh thu từ heo giống	3.305	1,46	-	-
- Doanh thu từ heo thịt	210.825	92,85	194.549	97,43
- Doanh thu từ cho thuê cửa hàng, kho	3.186	1,40	-	-
Doanh thu từ hoạt động tài chính	9.739	4,29	5.139	2,57
Doanh thu khác	46	0,02	-	-
Tổng cộng	**227.102**	**100%**	**199.688**	**100%**

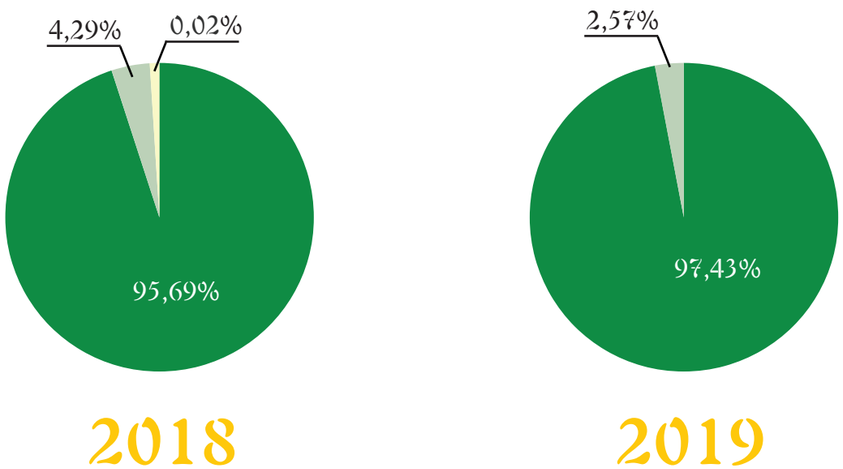

Cơ cấu lợi nhuận sau thuế

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận từ hoạt động chính	31.671	76,48%	19.002	82,61%
- Lợi nhuận từ heo giống	440	1,06%	-	
- Lợi nhuận từ heo thịt	28.045	67,72%	19.002	82,61%
- Lợi nhuận từ cho thuê cửa hàng, kho	3.186	7,69%	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	9.739	23,52%	4.000	17,39%
Lợi nhuận khác	-	-	-	-
Tổng cộng	**41.411**	**100%**	**23.002**	**100%**

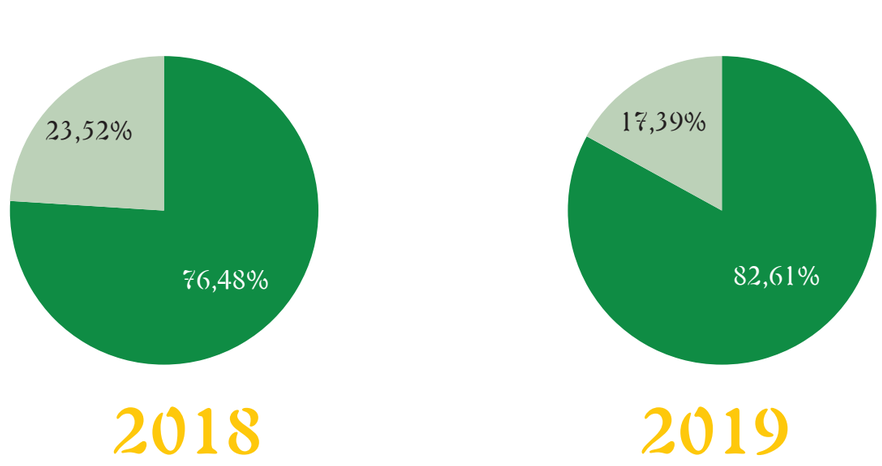

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
A	**Hội đồng quản trị**		
1	Đinh Văn Hồng	Chủ tịch	• Đại diện sở hữu: 2.654.142 cổ phiếu, chiếm 25,86% vốn điều lệ
2	Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch	• Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ • Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
3	Trần Minh Phương	Thành viên	• Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ • Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ
4	Lê Thị Khánh Xương	Thành viên	• Cá nhân sở hữu: 810.000 cổ phiếu, chiếm 7,89% vốn điều lệ
5	Đinh Ngọc Mến	Thành viên	• Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
B	**Ban điều hành**		
1	Nguyễn Diên Tường	Giám đốc	• Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ • Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
2	Trần Minh Phương	Phó Giám đốc	• Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ • Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ
3	Đinh Ngọc Mến	Kế toán trưởng	• Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
C	**Ban kiểm soát**		
1	Hoàng Ngọc Long	Trưởng BKS	• Cá nhân sở hữu: 1.200 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
2	Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên BKS	• Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ
3	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS	• Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ

Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Ông Nguyễn Diên Tường – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	
Năm sinh	1962
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế kỹ thuật
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	• Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61%VĐL • Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% VĐL.
Quá trình công tác	• 03/1982 – 05/1994: Cán bộ tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai • 06/1994 – 08/2005: Phó Giám đốc tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai • 09/2005 – 04/2007: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai • 05/2007 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Ông Trần Minh Phương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	
Năm sinh	1963
Nơi sinh	Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	• Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61%VĐL • Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66%VĐL
Quá trình công tác	• 08/1984 – 09/1987: Nhân viên tại Công ty kinh doanh lương thực tỉnh Đồng • 10/1987 – 08/2005: Nhân viên kế toán tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai • 09/2005 – 09/2006: Kế toán Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai • 10/2006 – 04/2019: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai • 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Ông Đinh Ngọc Mến – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	
Năm sinh	1976
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	• Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ • Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
Quá trình công tác	• 04/2004 - 09/2005: Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai • 10/2005-05/2016: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai • 06/2016 – 04/2019: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai • 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Tình hình thay đổi nhân sự

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phùng Khôi Phục	Chủ tịch HĐQT		29/04/2019
2	Đinh Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	29/04/2019	
3	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT		29/04/2019
4	Trần Minh Phương	Kế toán Trưởng		29/04/2019
	Trần Minh Phương	Phó Giám đốc	29/04/2019	
5	Đinh Ngọc Mến	Trưởng BKS		29/04/2019
	Đinh Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	29/04/2019	
	Đinh Ngọc Mến	Kế toán Trưởng	29/04/2019	
6	Hoàng Ngọc Long	Trưởng BKS	29/04/2019	

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	126	100%
1	Trên Đại học	-	-
2	Đại học	17	13%
3	Cao đẳng	-	-
4	Khác	109	87%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	126	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	32	25%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	94	75%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	-

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	7.600.000
2	2016	8.000.000
3	2017	8.000.000
4	2018	9.200.000
5	2019	9.800.000

Chính sách đối với người lao động

Để nâng cao chất lượng làm việc, cũng như tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được hưởng một cách đầy đủ nhất các chế độ chính sách của Nhà nước.

Công ty thực hiện chính sách tiền lương căn cứ vào bảng lương do Nhà nước quy định, luôn đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định của Chính phủ. Việc trả lương, thưởng thực hiện đúng hạn theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách Nhà nước. Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty sẽ có chế độ lương, thưởng phù hợp để khích lệ, thúc đẩy năng suất làm việc. Ngoài ra, công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,…

Công tác đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Chính vì vậy, hằng năm Công ty đều tổ chức đào tạo chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ của từng nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu công việc nâng cao năng suất làm việc của nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn khuyến khích cán bộ công nhân viên tham gia các lớp về công nghệ - kỹ thuật áp dụng trong chăn nuôi, góp phần tăng hiệu quả công việc.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư dự án

Đơn vị tính: đồng

STT	Dự án	Số tiền đầu tư	Thời gian thực hiện	Vốn Công ty
1	Công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải trại Suối Cao	1.629.644.500	2016-2019	100%
2	Nâng cấp chuồng heo cai sữa A1 từ chuồng nền sang chuồng sàn trại Xuân Thành	660.800.000	2019	100%
3	Nâng cấp chuồng heo cai sữa A1 từ chuồng nền sang chuồng sàn trại Suối Cao	472.000.000	2019	100%
4	Nâng cấp chuồng heo cai sữa A2 từ chuồng nền sang chuồng sàn trại Suối Cao	472.000.000	2019	100%
5	Nâng cấp chuồng heo cai sữa A8,1 từ chuồng nền sang chuồng sàn trại Tân An	141.600.000	2019	100%
6	Công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải trại Xuân Thành	2286400.000	2018-2019	100%
7	Hệ thống lọc tự động công suất 7,5m3/giờ xử lý nước thải trại Dolico suối Cao	209.000.000	2019	100%

Đầu tư tài sản cố định

Trong năm, nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông và duy trì ổn định hoạt động kinh doanh trong tương lai, Công ty đã chi 5,9 tỷ đồng đầu tư vào:

- Xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải đưa vào sử dụng tại trại Dolico Suối Cao (đầu tư từ năm 2016 theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị), trại Dolico Xuân Thành (đầu tư từ năm 2017 theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị;
- Sửa chữa nâng cấp 04 dãy chuồng heo cai sữa (từ chuồng nền sang chuồng sàn) phục vụ sản xuất chăn nuôi;
- Đầu tư 01 nhà Container với giá trị 60,5 triệu đồng phục vụ sản xuất trại Dolico Xuân Thành.

Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Giá trị sổ sách đến 31/12/2019 là: 60 tỷ đồng. Công ty đầu tư gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có uy tín, đa số là kỳ hạn 06 tháng với lãi suất ưu đãi tại các ngân hàng: Agribank, Vietcombank, Sacombank, BIDV và Vietinbank.

Đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai:

- Giá trị vốn góp: 1.030.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 1,03%
- Ngành nghề kinh doanh: Thương mại – Dịch vụ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng/giảm so với 2018 (%)
Tổng tài sản	226.529	215.032	94,92
Doanh thu thuần	217.316	194.549	89,52
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	45.157	27.345	60,56
Lợi nhuận khác	46	0	0
Lợi nhuận trước thuế	45.203	27.345	60,49
Lợi nhuận sau thuế	41.411	23.002	55,55

Các chỉ số tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
A	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,02	5,34
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,60	3,67
B	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,01	12,07
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	8,71	13,73
C	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,03	3,88
2	Vòng quay tài sản	Vòng	0,82	0,88
D	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	18,68	11,82
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,53	11,60
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	15,28	10,44
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	20,78	14,06

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

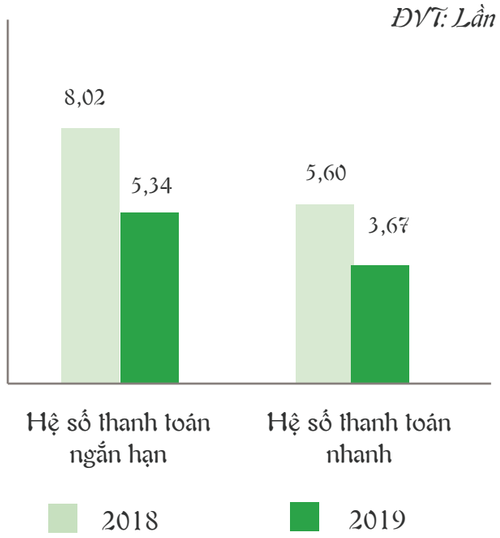

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

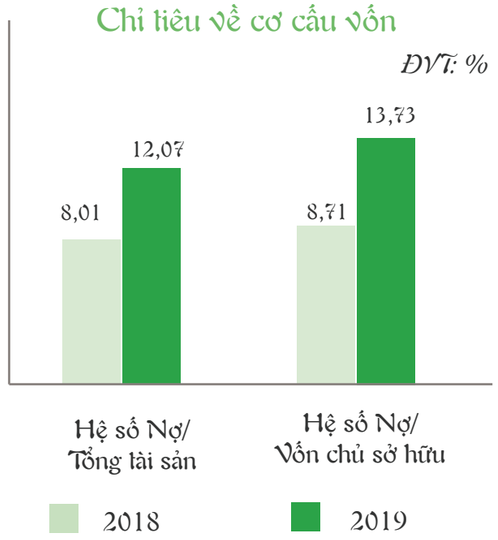

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm xuống còn 5,34 (lần) so với 8,02 (lần) của năm 2018. Hệ số thanh toán nhanh đạt 3,67 (lần), giảm so với 5,60 (lần) của cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do chi tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2019 giảm 5,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, các hệ số thanh toán của Công ty luôn duy trì ở mức cao, đảm bảo khả năng trả các khoản nợ của Công ty và đáp ứng nhu cầu đầu tư các dự án, nâng cấp các máy móc, thiết bị phục vụ kinh doanh của Công ty trong thời gian tới

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng so với năm trước. Trong đó, nợ trên tổng tài sản của Công ty năm 2019 là 12,07%, cao hơn so với mức 8,01% năm 2018. Tương tự, nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng lên mức 13,73% so với mức 8,71% của năm trước.

Trong cơ cấu nợ phải trả, Công ty không sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty không chịu áp lực từ chi phí lãi vay. Chi phí lao động tăng là nguyên nhân chính làm cho tổng nợ của của Công ty tăng.

Qua các hệ số đòn bẩy trên cho thấy các khoản nợ của Công ty chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Chỉ tiêu về hoạt động

Hoạt động trong ngành chăn nuôi nên hàng tồn kho luôn ổn định và không có nhiều biến động nhưng sản lượng xuất bán và giá bán phụ thuộc nhiều vào yếu tố nhu cầu của người tiêu dùng. Trong năm, sản lượng thịt heo toàn ngành giảm do ảnh hưởng từ dịch tả lợn Châu Phi, sản lượng xuất bán của Công ty cũng giảm làm giảm giá vốn hàng bán. Dẫn đến vòng quay hàng tồn kho giảm.

Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân) tăng lên 0,88 vòng so với mức 0,82 vòng của năm 2019, cho thấy Công ty đã tận dụng hiệu quả nguồn tài sản hiện có để hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Dịch tả lợn châu Phi trong năm 2019 ảnh hưởng nghiêm trọng đến các doanh nghiệp trong ngành chăn nuôi heo. Nhờ vào chính sách, kế hoạch đầu tư hợp lý như xây dựng trại kín, cải tạo toàn bộ chuồng hở thành chuồng kín tại trại Dolico Tân An, đã góp phần duy trì đàn heo, hạn chế tối đa những thiệt hại do bệnh dịch gây ra. Công ty kỳ vọng kết quả sản xuất kinh doanh sẽ tăng trưởng tốt trong tương lai sau khi chuyển dần mô hình chăn nuôi này tại các trại nuôi khác của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

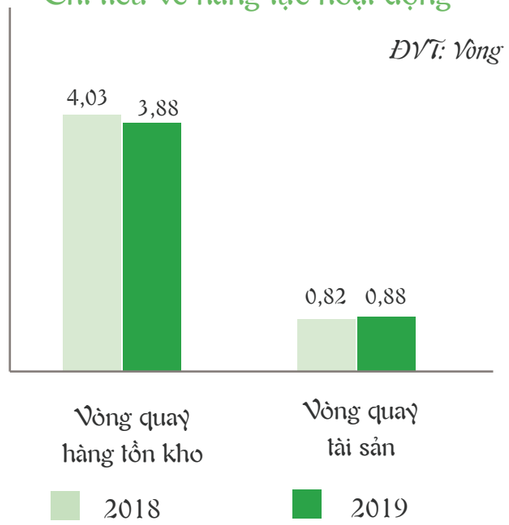

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

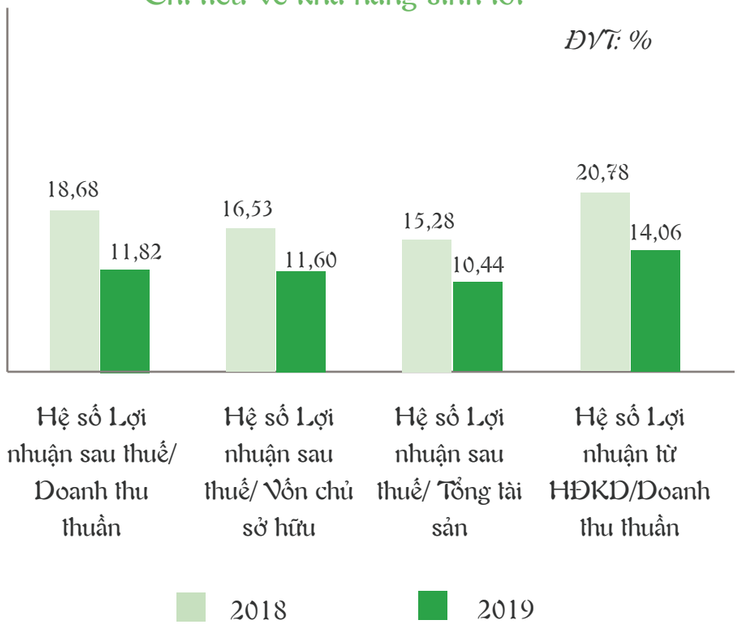

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 10.263.942 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.263.942 cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 10.263.942 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông Nhà nước**	**8.654.142**	**86.541.420.000**	**84,32%**
II	**Cổ đông trong nước**	**1.609.800**	**16.098.000.000**	**15,68%**
1	Cá nhân	1.594.800	15.948.000.000	15,54%
2	Tổ chức	15.000	150.000.000	0,15%
III	**Cổ đông nước ngoài**	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		**10.263.942**	**102.639.420.000**	**100%**

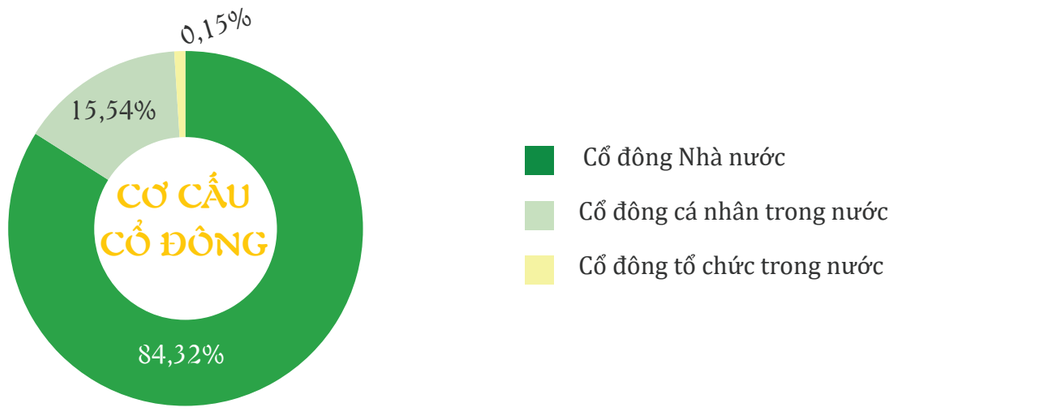

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của Công ty bao gồm bắp, đậu nành … dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm của Công ty và đây cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra. Do đó Công ty luôn xây dựng kế hoạch quản lý nguồn nguyên liệu này nhằm cân bằng giữa chi phí – chất lượng, cụ thể như sau:

- Lập bộ phận chịu trách nhiệm quản lý nguồn nguyên vật liệu, thường xuyên thăm dò và nghiên cứu thị trường để có giá mua và giá bán tốt nhất.
- Thường xuyên thực hiện các đề tài thí nghiệm để xây dựng khẩu phần thức ăn có giá thành thấp nhưng vẫn đảm bảo năng suất của đàn heo.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng chủ yếu nguồn năng lượng từ điện năng để vận hành một số hệ thống đặc trưng như:

- Hệ thống làm mát, chế biến thức ăn, công nghệ giám sát sinh hoạt của đàn heo nhằm nắm bắt kịp thời tình trạng bất thường của đàn heo;
- Hệ thống xử lý chất thải, giảm tác hại với môi trường.

Tiêu thụ nước

Ngoài hoạt động sinh hoạt hàng ngày, toàn bộ nước tiêu thụ của Công ty được dùng chủ yếu cho đàn heo uống và thực hiện các giải pháp chống nóng cho đàn heo như trang bị hệ thống chuồng mát cho đàn heo.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường. Cụ thể các hoạt động:

- Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải: sử dụng hầm bioga để xử lý nước thải và tiếp tục được xử lý triệt để sau đó mới được tái sử dụng;
- Công ty thực hiện trồng thêm cây xanh xung quanh các trại chăn nuôi để môi trường sản xuất xanh sạch, không khí mát mẻ trong lành;
- Xây dựng một khu riêng biệt, lưu giữ đúng cách, phân loại, đặt biển báo và mã để nhận biết các chất thải nguy hại. Đồng thời Công ty ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và chất rắn sinh hoạt với các đơn vị xử lý uy tín, chất lượng, đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh Công ty.

Chương III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
- Tình hình tài chính
- Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So sánh (%)	
					TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
Sản lượng sản xuất	Tấn	5.244	3.600	4.526	125,72%	86,31%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	5.244	3.600	4526	125,72%	86,31%
Tổng doanh thu	Tr.đ	227.102	140.000	199.688	142,63%	87,93%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	45.203	6.500	27.345	420,69%	60,49%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	35%	4%	17,1%	427,50%	48,86%

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

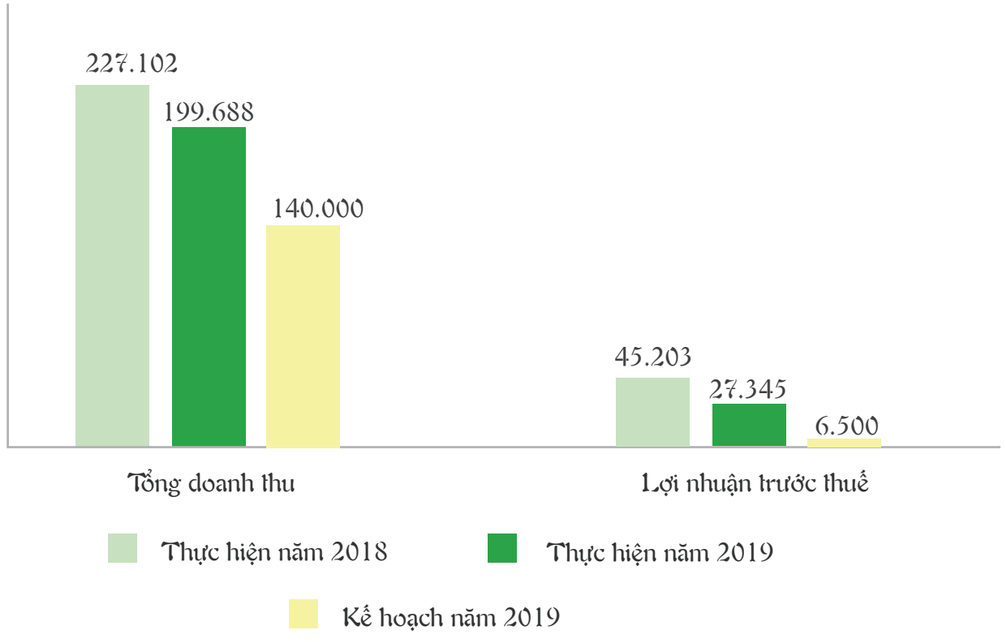

Để đạt được kết quả trên, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, phối hợp, đánh giá, phân tích thị trường, đưa ra các giải pháp duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình phòng dịch;
- Áp dụng công nghệ kỹ thuật mới trong công tác sinh sản để làm tăng tỷ lệ phối, đậu thai và đẻ, từ đó làm tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều sản phẩm làm tăng lợi nhuận cho Công ty;
- Nâng cấp hệ thống chuồng trại từ chuồng nền sang chuồng sàn tại các trại nuôi heo cai sữa;
- Hoàn thiện và đưa vào hoạt động chuồng nuôi kín tại trại Dolico Tân An;
- Áp dụng tốt công nghệ chăn nuôi mới, như All in, All out (cùng vào cùng ra) để chăm sóc, nuôi dưỡng, giảm tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng;
- Thực hiện công tác phòng ngừa, điều trị tốt cho heo nghi bệnh, không để xảy ra Dịch bệnh trong toàn Công ty.

Ngoài ra, Ban Lãnh đạo năng động sáng tạo trực tiếp giám sát các quá trình thực hiện các biện pháp nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đã đề ra phù hợp với từng môi trường kinh doanh và quy mô hoạt động của Công ty; đồng thời kiểm tra sát sao quy trình nuôi heo từ thức ăn đến vệ sinh chuồng trại, đảm bảo đàn heo đạt chất lượng tiêu chuẩn VietGap.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	144.297	63,70	137.491	63,94
Tài sản dài hạn	82.232	36,30	77.541	36,06
Tổng tài sản	**226.529**	**100**	**215.032**	**100**

Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 215,03 tỷ đồng, giảm 5,08% so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt là 137,49 tỷ đồng và 77,54 tỷ đồng, giảm 4,72% và 5,70% so với năm 2018. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 65,8 tỷ đồng xuống còn 60 tỷ đồng. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này được tích trữ nhằm phục vụ công tác đầu tư, nâng cấp chuồng trại, thay đổi phương thức chăn nuôi của Công ty đã được lên kế hoạch và xây dựng trong năm. Bên cạnh đó, tài sản cố định của Công ty có tăng hơn 5 tỷ đồng, tuy nhiên chi phí khấu hao có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn làm chỉ tiêu tài sản cố định giảm. Đây cũng là nguyên nhân chính làm suy giảm tài sản dài hạn tính đến ngày 31/12/2019.

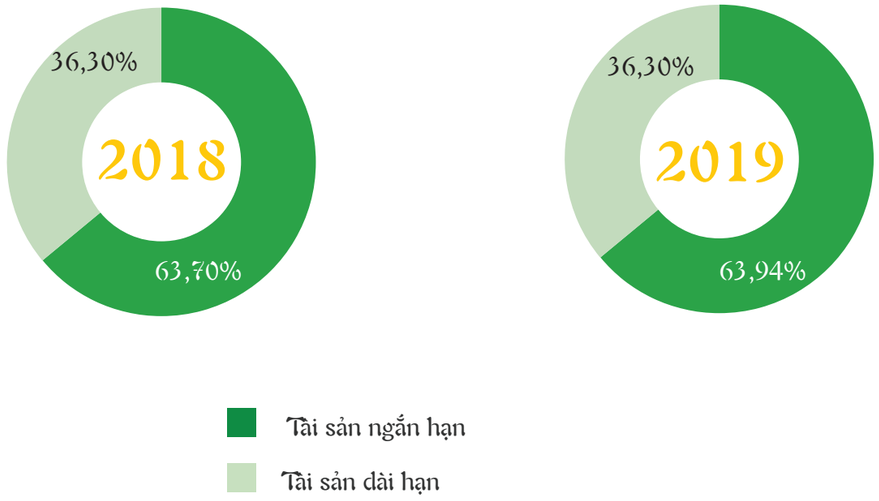

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	17.890	98,59	25.744	99,17
Nợ dài hạn	256	1,41	216	0,83
Nợ phải trả	**18.146**	**100**	**25.960**	**100**

Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm là 25,9 tỷ đồng, tăng 43,06% so với năm trước và tập trung chủ yếu vào nợ ngắn hạn. Góp phần lớn cho sự tăng trưởng của các khoản nợ ngắn hạn là các khoản phải trả người lao động và các khoản phải trả khác. Đặc thù ngành của chăn nuôi là công nhân khó tuyển dụng nên để đảm bảo và khích lệ nhân viên làm việc, Công ty đã điều chỉnh tăng mức thu nhập và thay đổi quy chế lương, thưởng theo quy định hiện hành, làm tăng chi phí lao động. Bên cạnh đó, khoản phải trả Ngân sách Nhà nước tăng lên 5,1 tỷ đồng nhưng tài sản ngắn hạn của Công ty hoàn toàn đủ khả năng thanh toán cho các khoản phải trả này.

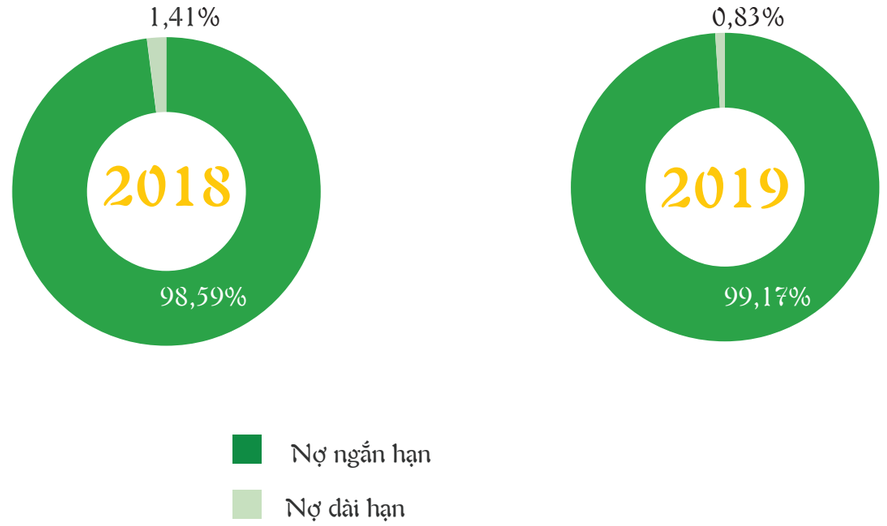

CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Giải pháp kĩ thuật

- Thực hiện việc kiểm định sức khoẻ cho đàn heo; tiêm vaccine phòng bệnh; cách ly và xử lý kịp thời khi phát hiện heo bệnh;
- Áp dụng công nghệ kỹ thuật mới trong công tác sinh sản để làm tăng tỷ lệ phối, đậu thai và đẻ, kiểm soát hiện tượng sẩy thai và đẻ non của heo mẹ;
- Áp dụng tốt công nghệ chăn nuôi mới, như All in, All out (cùng vào cùng ra) dễ chăm sóc, nuôi dưỡng, giảm tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng;

Giải pháp quản lý

- Phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng nghiệp vụ Công ty các đơn vị trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh khoa học;
- Xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình kinh doanh và quy mô hiện tại của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Số TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng Doanh thu	168.740
2	Lợi nhuận trước thuế	16.000
3	Lợi nhuận sau thuế	13.500
4	Nộp ngân sách	3.110
5	Chia cổ tức dự kiến	Từ 7%/ VĐL trở lên

Chương IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2019, các thành viên trong Hội đồng quản trị công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2019, mặc dù trong 03 quý đầu năm 2019 gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông năm 2019 giao cho. Hội đồng quản trị đã linh động bám sát nghị quyết để cùng Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình, quyết tâm trong sản xuất nhằm mục tiêu đạt thành quả, lợi ích thiết thực cho người lao động và quý cổ đông trong năm 2019.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, linh hoạt để vượt qua những khó khăn, thách thức và đưa Công ty đạt được các kết quả năm 2019 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ KH 2019
1	Tổng doanh thu	140.000	199.688	142,63%
2	Lợi nhuận sau thuế	5.000	23.002	460,04%
3	Nộp ngân sách	2.378	5.831	245,20%
4	Cổ tức dự kiến	4%	17,1%	425%

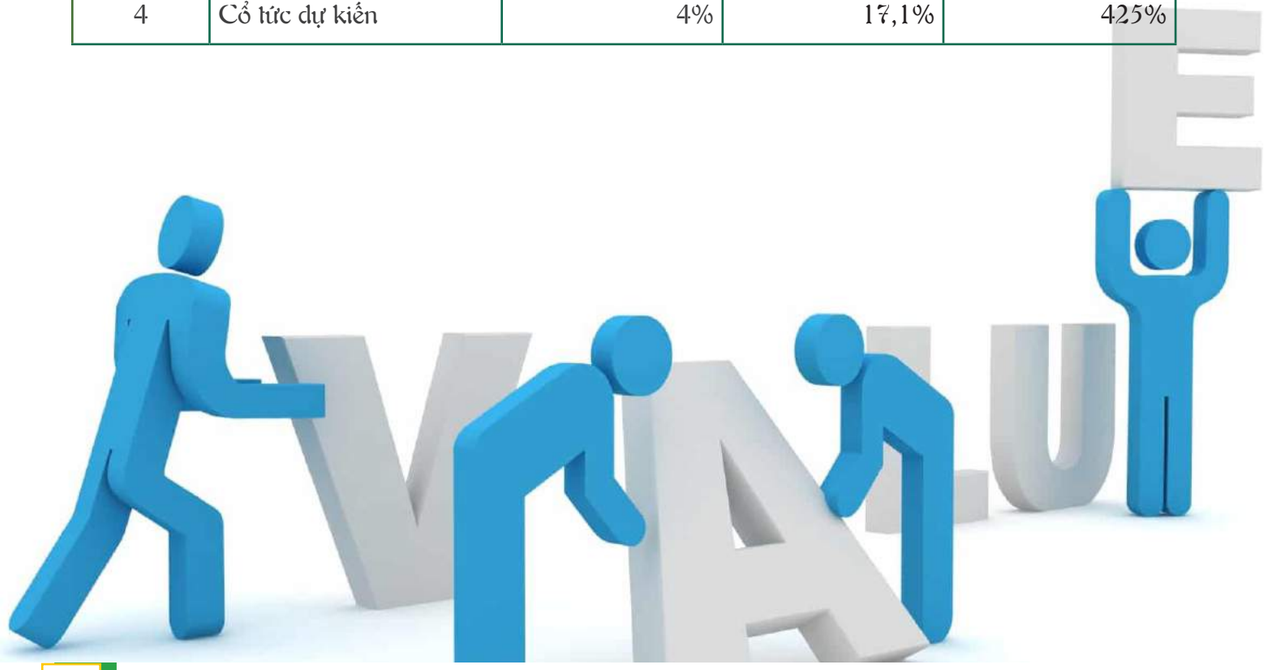

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Thực hiện Công tác tài chính kế toán theo đúng quy định; Quản lý dòng tiền, hàng hóa tập trung, khoa học tạo tiền đề lớn cho việc quản lý hiệu quả trong luân chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, quản lý công nợ; cân đối dòng tiền để thanh toán khoản nợ, không để tình trạng nợ đọng hoặc chậm trả nợ;
- Ban Giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty; chi trả lương đúng hạn và đầy đủ; thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
- Ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng trong năm 2019 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông, đóng đầy đủ vào Ngân sách Nhà Nước.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch năm 2020

Năm 2020, các tháng đầu năm có thuận lợi là giá bán heo hơi trên thị trường đã phục hồi và đứng ở mức cao. Tuy nhiên dự báo Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thử thách đối với sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào phục vụ chăn nuôi và tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh nguy hiểm đối với con người. (Dịch Covid - 19) sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường tiêu thụ sản phẩm, có thể dẫn đến giá bán sản phẩm chăn nuôi không ổn định, cộng với sự cạnh tranh gay gắt hơn của các nhà đầu tư chăn nuôi mới thuộc các tập đoàn trong nước, tập đoàn nước ngoài.

Trong tình hình hiện nay, để giữ vững sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu phấn đấu trong năm 2020 của Công ty như sau:

- Căn cứ tình hình thực tế phải đối mặt với những khó khăn của đơn vị chăn nuôi; năm 2020 tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất sản xuất, chất lượng quản trị Công ty;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Tập trung chỉ đạo phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, bất cập trong thời gian qua để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty;
- Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, Hội đồng quản trị đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng Doanh thu	168.740
2	Lợi nhuận trước thuế	16.000
3	Lợi nhuận sau thuế	13.500
4	Nộp ngân sách	3.110
5	Chia cổ tức dự kiến	Từ 7%/ VĐL trở lên

Định hướng

Để công ty thực hiện đạt các chỉ tiêu trên, Hội đồng quản trị Công ty định hướng như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục đầu tư thuộc lĩnh vực ngành nghề chính là phát triển chăn nuôi heo, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi để tăng sức cạnh tranh trên thị trường;
- Tiết kiệm chi tiêu và quản lý chặt chi phí trong sản xuất, đưa ra các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn heo và trên con người để giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị

Thực hiện các biện pháp đầu tư phù hợp, hiệu quả

- Rà soát các chi phí đầu tư trong sản xuất để lựa chọn thứ tự ưu tiên, không đầu tư dàn trải, mục tiêu đầu tư phục vụ chính cho sản xuất, đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư, nhanh chóng đưa các công trình vào sử dụng được ngay cho sản xuất kinh doanh để tạo lợi thế, tận dụng cơ hội kinh doanh;
- Tăng cường tiếp cận các nhà đầu tư chiến lược để mở hướng kinh doanh liên kết của ngành nghề chính trên cơ sở tính toán phải thực sự mang lại hiệu quả, đồng thời cân đối nguồn vốn, dòng tiền một cách hợp lý nhằm mục tiêu mang lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo của Công ty trong bối cạnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt

Công tác tài chính

- Phối hợp cùng Ban Kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính;
- Công khai minh bạch hóa các hoạt động rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, nâng cao hiệu quả của sử dụng đồng vốn và bảo toàn vốn trong sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Công tác nhân lực

Để ổn định và phát triển lâu dài, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc công ty thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên; tăng cường công tác đào tạo nội bộ, vận dụng các chế độ ưu đãi để thu hút lao động có trì tay nghề giỏi phục vụ lâu dài cho Công ty.

Thực hiện chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty

Năm 2020, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ, nắm giữ 84,32% % vốn điều lệ) đang tiếp tục triển khai kế hoạch thoái toàn bộ vốn (thoái 100% vốn) tại Công ty Dolico.

Chương V

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đinh Văn Hồng	Chủ tịch	29/04/2019	5	83,3%	Chưa có QĐ bổ nhiệm
2	Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch	29/08/2005	6	100%	
3	Trần Minh Phương	Thành viên	06/08/2007	6	100%	
4	Đinh Ngọc Mến	Thành viên	29/04/2019	5	83,3%	Chưa có QĐ bổ nhiệm
5	Lê Thị Khánh Xương	Thành viên	29/08/2005	6	100%	

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật.
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gởi Hội đồng quản trị, đồng thời qua các buổi họp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo.
- Tình hình sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019 đơn vị gặp nhiều khó khăn, bị đại dịch Tả Châu Phi càn quét khốc liệt đàn heo trên địa bàn tỉnh, nhưng tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã chủ động khắc phục khó khăn, ứng phó kịp thời, thực hiện nghiêm ngặt công tác phòng chống dịch bệnh, để bảo vệ giữ vững đàn heo đến cuối năm 2019 ổn định sản xuất đạt năng suất đem lại lợi nhuận cho đơn vị năm 2019.
- Với sự nỗ lực trong điều hành sản xuất của Ban Giám đốc và tình hình có nhiều sản phẩm tiêu thụ trên thị trường từ quý IV năm 2019 đã thuận lợi hơn nên kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2019 đã đạt hiệu quả và vượt kế hoạch được giao.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	21/03/2019	Thống nhất chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2	04/QĐ-HĐQT	25/04/2019	Quyết định Chi thưởng cho HĐQT và BKS Công ty
3	05/QĐ-HĐQT	26/04/2019	Quyết định V/v cho cán bộ thôi giữ nhiệm vụ thành viên HĐQT
4	06/QĐ-HĐQT	29/04/2019	Quyết định V/v bổ nhiệm chức danh Phó Giám Đốc Công ty
5	07/QĐ-HĐQT	29/04/2019	Quyết định V/v bổ nhiệm chức danh Kế Toán trưởng Công ty
6	03/NQ-HĐQT	17/05/2019	Thông qua kết quả SXKD quý I năm 2019 và các giải pháp thực hiện quý II năm 2019 Thông qua việc chi trả cổ tức cho các cổ đông chậm nhất đến ngày 30/6/2019
7	08/QĐ-HĐQT	13/06/2019	Quyết định chia cổ tức năm 2018 bằng tiền
8	04/NQ-HĐQT	05/08/2019	Thông qua kết quả SXKD quý II năm 2019 và các giải pháp thực hiện quý III năm 2019
9	05/NQ-HĐQT	18/11/2019	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý IV năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Ngọc Long	Trưởng Ban	29/04/2019	4	100%	
2	Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên	22/04/2010	4	100%	
3	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên	22/04/2010	4	100%	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông

- Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết,Quyết định của HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Hoạt động khác của BKS: không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thưởng
1	**Hội đồng quản trị**	**186.400.000**		**12.000.000**
1.1	Phùng Khôi Phục	12.000.000		
1.2	Đinh Văn Hồng	32.000.000		12.000.000
1.3	Nguyễn Diên Tường	39.200.000		
1.4	Trần Minh Phương	34.400.000		
1.5	Lê Thị Khánh Xương	34.400.000		
1.6	Đinh Ngọc Mến	24.000.000		
1.7	Lâm Hùng Phương	10.400.000		
2	**Ban kiểm soát**	**44.000.000**	**139.445.000**	**86.760.000**
2.1	Đinh Ngọc Mến			
2.2	Hoàng Ngọc Long		139.445.000	76.760.000
2.3	Trần Thị Vũ Hậu	22.000.000		5.000.000
2.4	Ngô Thị Cẩm Hà	22.000.000		5.000.000
3	**Ban điều hành**		**754.407.000**	**455.600.000**
3.1	Nguyễn Diên Tường		335.948.000	203.000.000
3.2	Trần Minh Phương		240.351.000	139.000.000
3.3	Đinh Ngọc Mến		178.108.000	113.600.000

Chương VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3600267730, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch
Ông Trần Minh Phương	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Mến	Thành viên
Bà Lê Thị Khánh Xương	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Diên Tường	Giám đốc
Ông Trần Minh Phương	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Long	Trưởng ban
Bà Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính , Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Diên Tường

aasc since 1991

Số: 280320.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính . Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính .

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Giám đốc

Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 (Đã điều chỉnh) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**137.490.973.722**	**144.297.196.826**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	03	**30.997.844.027**	**30.511.800.301**
111	1. Tiền		1.497.844.027	2.011.800.301
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.500.000.000	28.500.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	04	**60.000.000.000**	**65.800.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.000.000.000	65.800.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**3.579.228.487**	**4.782.798.763**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	216.821.000	243.321.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	63.000.000	2.959.244.051
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	3.299.407.487	1.580.233.712
140	**IV. Hàng tồn kho**	08	**42.913.901.208**	**43.202.597.763**
141	1. Hàng tồn kho		42.913.901.208	43.202.597.763
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**77.540.830.866**	**82.231.731.457**
220	**II. Tài sản cố định**		**61.386.398.893**	**65.250.116.389**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	49.004.920.315	52.166.969.888
222	*- Nguyên giá*		*108.675.409.719*	*102.733.565.219*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(59.670.489.404)*	*(50.566.595.331)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	12.381.478.578	13.083.146.501
228	*- Nguyên giá*		*15.019.256.267*	*15.019.256.267*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(2.637.777.689)*	*(1.936.109.766)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	09	**315.579.556**	**441.255.028**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		315.579.556	441.255.028
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	04	**880.000.000**	**1.030.000.000**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.030.000.000	1.030.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(150.000.000)	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**14.958.852.417**	**15.510.360.040**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14.958.852.417	15.510.360.040
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**215.031.804.588**	**226.528.928.283**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 (Đã điều chỉnh) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**25.960.164.255**	**18.146.390.271**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**25.744.164.255**	**17.890.390.271**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.186.839.644	2.759.206.871
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		15.669.050	230.010.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.396.697.806	4.662.742.933
314	4. Phải trả người lao động		6.755.988.971	4.887.197.799
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	5.444.610.514	263.552.184
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.944.358.270	5.087.680.484
330	**II. Nợ dài hạn**		**216.000.000**	**256.000.000**
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	216.000.000	256.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**189.071.640.333**	**208.382.538.012**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	16	**188.021.640.333**	**207.122.538.012**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.639.420.000	102.639.420.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*102.639.420.000*	*102.639.420.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		61.699.975.012	61.656.728.875
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.682.245.321	42.826.389.137
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*819.000.000*	*1.529.178.940*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*22.863.245.321*	*41.297.210.197*
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**1.050.000.000**	**1.260.000.000**
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.050.000.000	1.260.000.000
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**215.031.804.588**	**226.528.928.283**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thị Hiền Nhi	Đinh Ngọc Mến	Nguyễn Diên Tường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	18	**194.548.892.550**	**217.316.318.309**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**194.548.892.550**	**217.316.318.309**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	19	**166.903.306.383**	**176.548.551.859**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**27.645.586.167**	**40.767.766.450**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	5.139.370.236	9.739.305.939
22	7. Chi phí tài chính		150.420.055	200.621
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*			-
25	8. Chi phí bán hàng		-	17.640.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.289.696.545	5.332.652.548
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**27.344.839.803**	**45.156.579.220**
31	11. Thu nhập khác		-	46.363.636
32	12. Chi phí khác		-	-
40	**13. Lợi nhuận khác**		-	**46.363.636**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**27.344.839.803**	**45.202.942.856**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	4.342.794.482	3.792.132.659
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**23.002.045.321**	**41.410.810.197**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23	**2.241**	**4.035**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thị Hiền Nhi	Đinh Ngọc Mến	Nguyễn Diên Tường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***27.344.839.803***	***45.202.942.856***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.805.561.996	9.697.204.269
03	Các khoản dự phòng		150.000.000	(5.649.670.315)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.139.370.236)	(9.749.305.939)
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***32.161.031.563***	***39.501.170.871***
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		1.203.570.276	527.293.680
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		288.696.555	6.955.825.080
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.406.434.375	(1.466.533.185)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		551.507.623	(73.334.598)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.792.132.659)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.532.468.214)	(5.180.597.761)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***31.286.639.518***	***40.263.824.087***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.816.169.028)	(4.198.875.872)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	10.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(217.500.000.000)	(203.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		223.300.000.000	282.800.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.800.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.139.370.236	9.739.305.939
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***5.123.201.208***	***91.550.430.067***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.923.797.000)	(118.035.333.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(35.923.797.000)***	***(118.035.333.000)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**486.043.726**	**13.778.921.154**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**30.511.800.301**	**16.732.879.147**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	03	**30.997.844.027**	**30.511.800.301**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thị Hiền Nhi	Đinh Ngọc Mến	Nguyễn Diên Tường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3600267730, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 102.639.420.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 102.639.420.000 đồng; tương đương 10.263.942 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi gia súc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Xây dựng địa ốc;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
- Bán buôn xe gắn máy;
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại
Trung Tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Đang làm thủ tục hoán đổi đất với UBND huyện Vĩnh Cửu
Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Đang làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang Khu dân cư Dolico
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động kinh doanh ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính , Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	96.994.222	88.995.838
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.400.849.805	1.922.804.463
Các khoản tương đương tiền (*)	29.500.000.000	28.500.000.000
	30.997.844.027	**30.511.800.301**

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 29.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,5 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	60.000.000.000	-	65.800.000.000	-
	60.000.000.000	**-**	**65.800.000.000**	**-**

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 60.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,9 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	1.030.000.000	(150.000.000)	1.030.000.000	-
	1.030.000.000	**(150.000.000)**	**1.030.000.000**	**-**

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	1,03%	Thương mại - dịch vụ

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Provimi	216.821.000	-	216.821.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-	26.500.000	-
	216.821.000	**-**	**243.321.000**	**-**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Công nghiệp Môi trường Trần Vũ	-	-	2.856.767.050	-
- Các đối tượng khác	63.000.000	-	102.477.001	-
	63.000.000	**-**	**2.959.244.051**	**-**

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	949.505.018	-	680.847.212	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	58.800.560	-	44.803.552	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	11.025.105	-	8.400.663	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	7.350.070	-	5.600.443	-
- Phải thu tiền các cổ đông về việc nộp ngân sách nhà nước (*)	2.215.470.774	-	-	-
- Phải thu về tạm ứng	26.000.000	-	13.000.000	-
- Phải thu về tiền lãi nhận được từ việc giải thể Công ty CP Đầu tư và quản lý Khu liên hiệp công nông nghiệp Đồng Nai (Agropak)	-	-	819.000.000	-
- Phải thu khác	31.255.960	-	8.581.842	-
	3.299.407.487	**-**	**1.580.233.712**	**-**

(*) Khoản tiền phải nộp về ngân sách nhà nước theo biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019, khoản tiền này công ty đang trao đổi với các cổ đông và sẽ có quyết định xử lý tại cuộc họp Hội đồng quản trị sắp tới.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.719.445.609	-	4.184.508.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.194.455.599	-	39.018.089.637	-
	42.913.901.208	**-**	**43.202.597.763**	**-**

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	315.579.556	441.255.028
+ Dự án XD khu dân cư Dolico xã Thạnh Phú	315.579.556	315.579.556
+ Chi phí đầu tư xây dựng khác	-	125.675.472
	315.579.556	**441.255.028**

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	87.090.269.128	4.347.206.803	11.296.089.288	102.733.565.219
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.732.844.500	209.000.000	-	5.941.844.500
Số dư cuối năm	**92.823.113.628**	**4.556.206.803**	**11.296.089.288**	**108.675.409.719**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	42.936.438.123	2.761.432.499	4.868.724.709	50.566.595.331
- Khấu hao trong năm	7.586.733.206	466.047.581	1.051.113.286	9.103.894.073
Số dư cuối năm	**50.523.171.329**	**3.227.480.080**	**5.919.837.995**	**59.670.489.404**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	44.153.831.005	1.585.774.304	6.427.364.579	52.166.969.888
Tại ngày cuối năm	**42.299.942.299**	**1.328.726.723**	**5.376.251.293**	**49.004.920.315**

Trong đó
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.546.203.511 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của công ty là quyền sử dụng đất tại xã Suối Cao và Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 15.019.256.267 VND và 2.637.777.689 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Giá trị đàn heo cơ bản	9.337.897.693	10.048.303.137
- Chi phí thuê đất, đền bù đất (*)	3.248.358.718	1.989.194.286
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	267.550.659	626.835.836
- Chi phí san ủi đất, đào ao, làm đường	59.437.172	118.874.339
- Chi phí chuồng, trại, chi phí sửa chữa và các chi phí khác tại các trại chăn nuôi	2.045.608.175	2.727.152.442
	14.958.852.417	**15.510.360.040**

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Masan Nutri -Science	-	-	143.084.478	143.084.478
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	1.504.794.500	1.504.794.500	701.310.000	701.310.000
- Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi Rico Đồng Nai	791.304.000	791.304.000	957.624.000	957.624.000
- Công ty TNHH Đại Hòa	303.164.000	303.164.000	382.674.400	382.674.400
- Phải trả các đối tượng khác	587.577.144	587.577.144	574.513.993	574.513.993
	3.186.839.644	**3.186.839.644**	**2.759.206.871**	**2.759.206.871**

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	30.683.728	333.042.307	341.378.671	-	22.347.364
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.792.132.659	4.342.794.482	3.792.132.659	-	4.342.794.482
- Thuế thu nhập cá nhân	-	804.291.842	604.671.550	1.377.407.432	-	31.555.960
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	35.634.704	281.893.461	317.528.165	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	**4.662.742.933**	**5.565.401.800**	**5.831.446.927**	**-**	**4.396.697.806**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	67.412.271	67.520.034
- Phải trả tiền bảo hành các công trình	166.852.150	80.532.150
- Phải trả ngân sách nhà nước	5.195.846.093	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.500.000	115.500.000
	5.444.610.514	**263.552.184**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	216.000.000	256.000.000
	216.000.000	**256.000.000**

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**102.639.420.000**	**204.371.006.669**	**(23.149.765.854)**	**283.860.660.815**
Lãi trong năm trước	-	-	41.410.810.197	41.410.810.197
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2018	-		(113.600.000)	(113.600.000)
Bù lỗ cho cho hoạt động kinh doanh	-	(24.678.944.794)	24.678.944.794	-
Trích nguồn để chia cổ tức	-	(118.035.333.000)	118.035.333.000	-
Chia trả cổ tức từ nguồn các năm trước	-	-	(118.035.333.000)	(118.035.333.000)
Số dư cuối năm trước	**102.639.420.000**	**61.656.728.875**	**42.826.389.137**	**207.122.538.012**
Lãi trong năm này	-	-	23.002.045.321	23.002.045.321
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(138.800.000)	(138.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	43.246.137	(43.246.137)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.040.346.000)	(6.040.346.000)
Chia trả cổ tức năm 2018	-	-	(35.923.797.000)	(35.923.797.000)
Số dư cuối năm nay	**102.639.420.000**	**61.699.975.012**	**23.682.245.321**	**188.021.640.333**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 29 tháng 4 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

		Tỷ lệ
		%
Kết quả kinh doanh sau thuế (chưa bao gồm các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước)	42.007.389.137	100,00%
Trích Quỹ đầu tư phát triển	43.246.137	0,10%
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.040.346.000	14,38%
Chi trả cổ tức	35.923.797.000	85,52%
Lợi nhuận chưa phân phối	-	0,00%

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	84,32	86.541.420.000	84,32	86.541.420.000
- Cổ đông khác	15,68	16.098.000.000	15,68	16.098.000.000
	100	**102.639.420.000**	**100**	**102.639.420.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*102.639.420.000*	*102.639.420.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*102.639.420.000*	*102.639.420.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*(35.923.797.000)*	*118.035.333.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(35.923.797.000)	118.035.333.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*35.923.797.000*	*(118.035.333.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	35.923.797.000	(118.035.333.000)
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ*	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.263.942	10.263.942
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.263.942*	*10.263.942*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.263.942	10.263.942
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.263.942*	*10.263.942*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.699.975.012	61.656.728.875
	61.699.975.012	**61.656.728.875**

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại các địa chỉ sau: Thửa số 326 Tờ bản đồ địa chính số 34 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 21.582 m2; Thửa số 221 Tờ bản đồ địa chính số 18 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 23.826 m2; Xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 191.283,4 m2 để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2009 đến năm 2051. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 16.686,7 m2 để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 487,5 m2 để sử dụng với mục đích làm cửa hàng thực phẩm gia súc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đô la Mỹ (USD)	905,70	912,30
- Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	129,54	140,46

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	194.548.892.550	214.130.561.130
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.185.757.179
	194.548.892.550	**217.316.318.309**

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	166.903.306.383	181.876.824.918
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	321.397.256
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(5.649.670.315)
	166.903.306.383	**176.548.551.859**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.097.370.236	8.845.327.939
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.000.000	893.978.000
	5.139.370.236	**9.739.305.939**

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.000.000	128.489.624
Chi phí nhân công	3.872.809.652	4.284.062.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	233.246.887	233.246.886
Thuế, phí, lệ phí	182.713.537	147.083.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.244.494	422.998.792
Chi phí khác bằng tiền	449.681.975	116.770.517
	5.289.696.545	**5.332.652.548**

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	27.344.839.803	45.202.942.856
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(42.000.000)	(23.840.376.672)
- *Chuyển lỗ các năm trước*	-	*(22.946.398.672)*
- *Cổ tức lợi nhuận được chia*	*(42.000.000)*	*(893.978.000)*
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	27.302.839.803	21.362.566.184
- *Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)*	*22.355.469.567*	*9.607.611.561*
- *Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)*	*4.947.370.236*	*11.754.954.623*
	4.342.794.482	**3.792.132.659**
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- *Chi phí thuế TNDN được ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 15%)*	*3.353.320.435*	*1.441.141.734*
- *Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)*	*989.474.047*	*2.350.990.925*
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.792.132.659	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.792.132.659)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**4.342.794.482**	**3.792.132.659**

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.002.045.321	41.410.810.197
Các khoản điều chỉnh	(138.800.000)	(113.600.000)
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)*	*(138.800.000)*	*(113.600.000)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.002.045.321	41.410.810.197
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.241**	**4.035**

(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 29 tháng 4 năm 2019.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	125.732.125.185	129.923.162.539
Chi phí nhân công	15.869.454.000	16.511.755.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.805.561.996	9.697.204.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.745.629.413	20.145.629.413
Chi phí khác bằng tiền	584.542.295	281.494.411
	172.737.312.889	**176.559.246.475**

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.997.844.027	-	30.511.800.301	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.516.228.487	-	1.823.554.712	-
Các khoản cho vay	60.000.000.000	-	65.800.000.000	-
	94.514.072.514	-	**98.135.355.013**	-

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	8.847.450.158	3.278.759.055
	8.847.450.158	**3.278.759.055**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.997.844.027	-	-	30.997.844.027
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.516.228.487	-	-	3.516.228.487
Các khoản cho vay	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
	94.514.072.514	**-**	**-**	**94.514.072.514**
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.511.800.301	-	-	30.511.800.301
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.823.554.712	-	-	1.823.554.712
Các khoản cho vay	65.800.000.000	-	-	65.800.000.000
	98.135.355.013	**-**	**-**	**98.135.355.013**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.631.450.158	216.000.000	-	8.847.450.158
	8.631.450.158	**216.000.000**	**-**	**8.847.450.158**
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.022.759.055	256.000.000	-	3.278.759.055
	3.022.759.055	**256.000.000**	**-**	**3.278.759.055**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Chia cổ tức			
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	30.289.497.000	99.522.633.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Giám đốc	334.157.443	331.505.400
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban giám đốc và Hội đồng quản trị	761.539.867	755.495.900

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên số liệu so sánh trên báo cáo kiểm toán năm trước đã được điều chỉnh lại theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 30/12/2019 như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.580.233.712	761.233.712
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	42.826.389.137	42.007.389.137
b/ Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.739.305.939	8.920.305.939
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	45.156.579.220	44.337.579.220
c/ Bảng Lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	45.202.942.856	44.383.942.856
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.749.305.939)	(8.930.305.939)

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thị Hiền Nhi	Đinh Ngọc Mến	Nguyễn Diên Tường

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 18 tháng 04 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Diên Tường